

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra các báo cáo và dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười một, HĐND tỉnh khóa XI, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 25/11 đến ngày 02/12/2019 Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra 03 báo cáo và 12 dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung các dự thảo nghị quyết và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp và giải trình của cơ quan trình dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **I. Đối với các báo cáo**

**1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2019, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2020** (Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2020 về lĩnh vực kinh tế, báo cáo đã thể hiện đầy đủ những nội dung trọng tâm UBND tỉnh đã lãnh đạo triển khai thực hiện trong năm 2019, kết quả có 20/21 chỉ tiêu nghị quyết HĐND tỉnh đề ra đạt và vượt so với kế hoạch<sup>1</sup>. Đề nghị UBND tỉnh cần có giải pháp cụ thể để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trong báo cáo của UBND tỉnh, đồng thời tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung nỗ lực hơn nữa trong năm 2020 để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2015-2020.

Qua thẩm tra, Ban đề nghị UBND tỉnh lưu ý một số nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề nghị UBND tỉnh đánh giá hiệu quả của hoạt động mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh từ khi triển khai đến nay để có giải pháp trong những năm tới.

- Khi tính toán tỷ lệ che phủ rừng cần loại trừ phần diện tích rừng trồng đã khai thác trong năm.

- Thu tiền dịch vụ môi trường rừng ước đạt 71% kế hoạch, giảm 22,76% so với cùng kỳ. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ nội dung này.

---

<sup>1</sup> Chỉ tiêu diện tích trồng rừng mới không đạt kế hoạch đề ra (đạt 97,2% kế hoạch).

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) nêu trong Báo cáo số 159/BC-UBND cập nhật số liệu của tháng 10 đề nghị UBND tỉnh bổ sung số liệu mới nhất về chỉ số này.

- Có giải pháp trong năm 2020 và những năm tiếp theo trong việc thu hút vốn FDI đầu tư vào tỉnh.

- Tăng cường các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn chương trình mục tiêu quốc gia<sup>2</sup>.

- Khẩn trương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các địa phương, các chủ rừng hoặc thuê đơn vị tư vấn tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ diện tích không thuộc diện tích đất đã quy hoạch và chưa quy hoạch đất lâm nghiệp (theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND) trên địa bàn toàn tỉnh, để điều chỉnh cho phù hợp với hiện trạng và đảm bảo tính quy hoạch lâu dài (nhất là ở những vị trí từ chân núi trở lên) trình HĐND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 100/NQ-HĐND.

Đối với các chỉ tiêu năm 2020 thuộc lĩnh vực kinh tế: Ban thống nhất.

**2. Tình hình triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 đến nay** (Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với báo cáo của UBND tỉnh. Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh đã triển khai cổ phần hóa đối với 05 doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh<sup>3</sup>. Quá trình cổ phần hóa đã được UBND tỉnh triển khai đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành và đã hoàn thành việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo phương án tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đến nay có 03/05 Công ty được Kiểm toán nhà nước khu vực XII tiến hành kiểm toán và đã xác định lại giá trị tài sản<sup>4</sup>, 02/05 Công ty chưa được kiểm toán<sup>5</sup>.

Đối với 03 Công ty còn tồn tại, vướng mắc Ban đề nghị như sau:

- Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai: Việc Công ty TNHH Thẩm định giá Đông Á, thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) do xác định thiếu giá trị tài sản của Công ty số tiền 4.455,2 triệu đồng, Kiểm toán nhà nước khu vực XII đề nghị phải nộp giá trị tài sản này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Trung ương. Đến nay, Công ty TNHH Thẩm định giá Đông Á, thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản kiến nghị, giải trình với Kiểm toán nhà nước khu vực XII. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm kết quả xử lý của Kiểm toán nhà nước khu vực XII để có ý

<sup>2</sup> Tính đến 20/11/2019 khối lượng thực hiện giải ngân đạt 2.124,55 tỷ đồng, bằng 64,17% kế hoạch.

<sup>3</sup> Gồm: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai; Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai; Công ty Cổ phần Chè Biên Hồ; Công ty Cổ phần công trình đô thị Gia Lai; Công ty Cổ phần Chè Bàu Cạn.

<sup>4</sup> Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai; Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai; Công ty Cổ phần công trình đô thị Gia Lai.

<sup>5</sup> Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai; Công ty Cổ phần Chè Biên Hồ.

kiến về nội dung này.

- Đối với Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai:

+ Chưa hoàn thành việc quyết toán vốn nhà nước từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Thời gian đã quá hạn 05 tháng so với quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện quyết toán vốn nhà nước theo quy định.

+ Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng một phần diện tích tại địa bàn các huyện Ia Grai, Chư Sê nhưng không có phương án cụ thể để trình các sở, ngành, địa phương xem xét trước khi thực hiện và một số diện tích chuyển đổi đang còn trong thời gian khoán của các hộ dân nhưng chưa được thỏa thuận cụ thể, trái với phương án cổ phần hóa (duy trì các hợp đồng khoán hiện có). Ngoài ra, Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai chưa phối hợp với địa phương để thực hiện các thủ tục bàn giao (kể cả tài sản trên đất cho địa phương) gây tình trạng khiếu kiện kéo dài. Đề nghị UBND tỉnh có giải pháp xử lý sớm nội dung này.

- Đối với Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ: Phần diện tích đất trả về địa phương quản lý, UBND huyện Chư Păh đã triển khai các thủ tục cho các hộ thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích tương ứng. Tuy nhiên các hộ đang tiến hành khiếu kiện đòi UBND huyện phải tiến hành giao đất (không phải cho thuê). Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo UBND huyện Chư Păh sớm thỏa thuận với dân để thống nhất phương án giải quyết.

**3. Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2019 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020** (Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 30/11/2019 của UBND tỉnh); **Phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020** (Tờ trình số 2730/TTr-UBND ngày 30/11/2019 của UBND tỉnh)

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2019; phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020 như Báo cáo và Tờ trình đã nêu. Cụ thể:

**3.1. Về đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019:**

- Thu ngân sách ước đạt 4.908 tỷ đồng, đạt 100,1% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 108% dự toán Trung ương giao. Trong đó: 08 khoản thu đạt và vượt dự toán, 06 khoản thu đạt thấp so với dự toán, gồm: thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh; thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường; thu phí, lệ phí; thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn nhà nước. Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo giải trình làm rõ nguyên nhân không đạt so với dự toán được giao và giải pháp trong thời gian đến.

+ Đối với các đơn vị, địa phương dự ước chưa đạt dự toán thu ngân sách (kể cả tiền sử dụng đất) có Văn phòng Cục thuế tỉnh và 03 huyện, thành phố chưa đạt tiến độ như thành phố Pleiku, Chư Pưh, Kông Chro; Dự toán thu (không kể cả tiền sử dụng đất) có Văn phòng Cục thuế tỉnh và 05 huyện, thị xã, thành phố chưa đạt tiến độ như thành phố Pleiku, thị xã Ayun Pa, thị xã An Khê, huyện Kông Chro, huyện Ia Grai. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Văn phòng Cục thuế tỉnh và các địa phương tăng cường các giải pháp thu ngân sách.

+ Tình hình nợ thuế tuy có giảm nhưng nợ khó thu tăng (nợ thuế đến ngày 30/9/2019 tổng số 977,8 tỷ đồng, giảm 8,8 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, cụ thể nợ khó thu 656 tỷ đồng, tăng 4,5%; nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày là 222,1 tỷ đồng, tăng 11,8%), đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành tăng cường các giải pháp thu nợ thuế.

+ Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp, có 08 sở, ngành, chủ đầu tư<sup>6</sup> có tỷ lệ giải ngân dưới 60%; 13 chủ đầu tư còn nợ tạm ứng hợp đồng quá hạn thanh toán theo quy định<sup>7</sup>; 128 dự án chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ báo cáo quyết toán. Đề nghị UBND tỉnh tăng cường các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới.

+ Chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019 là 2.421,9 tỷ đồng tăng so với năm trước 184,9 tỷ đồng, phần lớn là vốn đầu tư xây dựng cơ bản (trong đó: tăng chủ yếu ở cấp tỉnh 1.840,9 tỷ đồng, tăng 309,6 tỷ đồng). Đề nghị UBND tỉnh giải trình, làm rõ nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Chi ngân sách: Công tác quản lý, điều hành chi tiêu ngân sách cơ bản đáp ứng các nhiệm vụ chi cần thiết theo dự toán, đảm bảo quy định. Chi ngân sách ước thực hiện 12.547,6 tỷ đồng, đạt 106,4% dự toán Trung ương giao, đạt 102% dự toán HĐND tỉnh giao (chi tiết tại Báo cáo số 160/BC-UBND).

**3.2. Về xây dựng dự toán ngân sách năm 2020:** Sau khi xem xét, thảo luận Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất số thu, số chi năm 2020 như đề nghị của UBND tỉnh.

a) Dự toán thu:

- Tổng thu ngân sách địa phương: 13.621.660 triệu đồng.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Trung ương giao là 4.570.000 triệu đồng; địa phương xây dựng là **5.200.000 triệu đồng**, tăng 630.000 triệu đồng và tăng 3,7% so với ước thực hiện năm 2019.

b) Dự toán chi:

---

<sup>6</sup> Thành phố Pleiku 55%; thị xã Ayun Pa 57%; Ban QLDA các công trình giao thông 53%; các Ban Quản lý rừng phòng hộ 40%; Sở Tài nguyên và Môi trường 15%; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 33%; Bệnh viện đa khoa tỉnh 59%; Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh 43%.

<sup>7</sup> UBND thành phố Pleiku; UBND thị xã Ayun Pa; UBND huyện Phú Thiện; UBND huyện Ia Grai; UBND huyện Chư Prông; UBND huyện Chư Păh, UBND huyện Kông Chro; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban QLDA các công trình giao thông; Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi; Ban QLDA các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tổng chi ngân sách địa phương: 13.633.160 triệu đồng. Trung ương giao: 12.923.154 triệu đồng. Trong đó: Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 11.125.023 triệu đồng; tăng 7,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018 (806.969.000 triệu đồng); Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 2.508.137 triệu đồng (Bội chi ngân sách địa phương: 11.500 triệu đồng).

Đồng thời qua thẩm tra, Ban có một số ý kiến sau:

1. Tại Mục 19, 20 Biểu số 6: Biểu chi tiết phân bổ chi sự nghiệp kinh tế năm 2020 đề nghị đổi tên 02 đơn vị Công ty TNHH MTV cà phê Gia Lai và Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn thành Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai và Công ty Cổ phần Chè Bàu Cạn.

2. Đối với dự toán chi cho các đơn vị thực hiện theo Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai *hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của BCHTW Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập* nhưng chưa đúng theo tinh thần, tiến độ của chương trình đề ra vẫn được bố trí kinh phí trong dự toán<sup>8</sup>. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh giao kinh phí để bố trí quỹ tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo mức lương hiện hành của biên chế được giao; chưa giao kinh phí nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ không thường xuyên; UBND tỉnh chỉ bố trí kinh phí khi các đơn vị thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

- Nhập Mục 11: "Dự nguồn các khoản phát sinh đột xuất" vào dòng "Sửa chữa trường, lớp học để duy trì đạt chuẩn quốc gia; sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh cho các trường THPT" tại Mục 1, Phần I, biểu số 8a - Biểu chi tiết phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo năm 2020.

## **II. Các dự thảo nghị quyết**

**1. Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2597/TTr-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh).**

\* **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020 như nội dung Tờ trình số 2597/TTr-UBND là đúng thẩm quyền.

\* **Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

---

<sup>8</sup> Gồm: trung tâm xúc tiến đầu tư, Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại (Tại biểu số 6 Biểu chi tiết phân bổ chi sự nghiệp kinh tế năm 2020); Trường Cao đẳng sư phạm; Trường Cao đẳng Nghề Gia Lai; Trường Trung cấp y tế; Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật; Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Nam Gia Lai (trường Trung cấp nghề Ayun Pa cũ); Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Đông Gia Lai (trường Trung cấp nghề An Khê cũ) (Tại biểu số 8a Biểu chi tiết phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo năm 2020).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thông nhất thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020 gồm 49 dự án, công trình với diện tích 102,41 ha (trên tổng số 50 dự án, công trình với diện tích 102,81 ha do UBND tỉnh trình). Cụ thể như sau:

- Huyện Ia Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 5,13 ha (đất trồng lúa).
- Thị xã Ayun Pa: 01 công trình, dự án với diện tích 0,10 ha (đất trồng lúa).
- Huyện Ia Grai: 02 công trình, dự án với diện tích 3,21 ha (đất trồng lúa).
- Huyện Chư Sê: 01 công trình, dự án với diện tích 0,11 ha (đất trồng lúa).
- Huyện Phú Thiện: 11 công trình, dự án với diện tích 11,86 ha (đất trồng lúa: 11,26 ha và đất rừng phòng hộ: 0,60 ha).
- Thị xã An Khê: 18 công trình, dự án với diện tích 30,46 ha (đất trồng lúa).
- Thành phố Pleiku: 06 công trình, dự án với diện tích 29,97 ha (đất trồng lúa).
- Huyện Đak Pơ: 03 công trình, dự án với diện tích 0,37 ha (đất trồng lúa).
- Huyện Chư Păh: 01 công trình, dự án với diện tích 7,60 ha (đất trồng lúa).
- Huyện Chư Pưh: 03 công trình, dự án với diện tích 13,60 ha (đất trồng lúa).

\* Riêng đối với dự án "Chợ trung tâm thị xã" của thị xã An Khê (0,4 ha) tại Điểm 11, Mục VI phụ lục kèm theo, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị đưa ra khỏi danh mục các công trình có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020. Lý do: Dự án chưa triển khai trong năm 2020.

\* Ngoài ra, Ban đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại Điểm 7, Mục VI Thị xã An Khê, Ban đề nghị bổ sung cụm từ "chi tiết khu dân cư" sau cụm từ "quy hoạch" và viết lại thành "quy hoạch chi tiết khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An (đoạn nối từ đường D1 đến ngã ba đường Lê Lai và Nguyễn Trung Trực).

- Tại Điểm 8, Mục VI Thị xã An Khê, Ban đề nghị chỉnh sửa ngày ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh thành ngày 31/10/2017.

\* **Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thông nhất.

**2. Về việc đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2598/TTr-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh).**

\* **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 45; Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2020 như nội dung Tờ trình 1219/TTr-UBND là đúng thẩm quyền.

\* *Về nội dung dự thảo nghị quyết:* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh: Tổng số 369 công trình, dự án; diện tích 2.039,74 ha (trên tổng số 372 dự án, công trình với diện tích 2.042,89 ha do UBND tỉnh trình); dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng 2.566.969.981.998 đồng (ngân sách tỉnh: 67.819.502.000 đồng, ngân sách huyện 1.115.848699.498 đồng và nguồn vốn khác 1.383.301.780.500 đồng: Cụ thể như sau:

- Huyện Kông Chro: 01 công trình, dự án với diện tích 0,50 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 213.717.000 đồng do ngân sách tỉnh.

- Huyện Ia Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 33,13 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 6.111.681.600 đồng do ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Công ty Điện lực Gia Lai).

- Thị xã Ayun Pa: 06 công trình, dự án với diện tích 14,51 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 23.909.000.000 đồng do ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác (Nguồn vốn Trung ương và vốn vay ngân hàng).

- Huyện Chư Prông: 11 công trình, dự án với diện tích 39,05 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.075.000.000 đồng do ngân sách huyện.

- Huyện Đức Cơ: 37 công trình, dự án với diện tích 193,94 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 45.820.700.000 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Nguồn vốn Trung ương).

- Huyện Ia Grai: 05 công trình, dự án với diện tích 4,90 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.650.000.000 đồng do ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Ban quản lý dự án lưới điện miền Trung).

- Huyện Krông Pa: 31 công trình, dự án với diện tích 72,55 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 24.140.574.000 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Ngân sách Trung ương và nhân dân đóng góp).

- Huyện Chư Sê: 54 công trình, dự án với diện tích 123,11 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 89.944.198.198 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Vốn ngành điện).

- Huyện Phú Thiện: 14 công trình, dự án với diện tích 50,71 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 25.438.115.000 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Ngân sách Trung ương).

- Huyện Kbang: 02 công trình, dự án với diện tích 0,51 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 170.000.000 đồng do ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác (Công ty Điện lực Gia Lai).

- Thị xã An Khê: 51 công trình, dự án với diện tích 216,70 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 245.070.000.000 đồng do ngân sách thị xã và nguồn vốn khác (Vốn vay Ngân hàng thế giới, vốn doanh nghiệp, ngân sách Trung ương và vốn vay ODA của Chính phủ Đức).

- Huyện Mang Yang: 10 công trình, dự án với diện tích 116,8 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 20.268.800.000 đồng do ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Công ty Điện lực Gia Lai).

- Thành phố Pleiku: 22 công trình, dự án với diện tích 337,55 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 1.794.573.000.000 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Ngân sách Trung ương và vốn ngành điện).

- Huyện Đak Đoa: 22 công trình, dự án với diện tích 224,13 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 65.875.000.000 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Tổng Công ty Điện lực miền Trung).

- Huyện Đak Pơ: 48 công trình, dự án với diện tích 242,83 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 65.642.135.000 đồng do ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

- Huyện Chư Păh: 10 công trình, dự án với diện tích 109,11 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 61.778.061.200 đồng do ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Vốn ngành điện).

- Huyện Chư Pưh: 41 công trình, dự án với diện tích 259,71 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 88.290.000.000 đồng do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (Ngân sách Trung ương và vốn ngành điện).

(1) Ban chưa thống nhất thông qua 03 công trình, dự án sau trong danh mục cần thu hồi đất trong năm 2020 như sau:

- Thị xã An Khê: 02 công trình, dự án:

+ Chợ trung tâm thị xã (02 ha) tại Điểm 27, Mục XI phụ lục đính kèm. Lý do: Dự án chưa triển khai trong năm 2020.

+ Trung tâm hội chợ, triển lãm, địa điểm tại phường An Tân (01 ha) tại Điểm 29, Mục XI phụ lục đính kèm. Lý do: Chưa đủ cơ sở để thu hồi.

- Thành phố Pleiku: 01 công trình, dự án: Thu hồi đất kho hàng hóa của Công ty vật tư nông nghiệp Gia Lai (0,15 ha) tại Điểm 20, Mục XIII phụ lục đính kèm. Lý do: Việc thực hiện thu hồi không nhằm mục đích xây dựng công trình, dự án; việc thu hồi diện tích đất của đơn vị không thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

(2) Ban đề nghị điều chỉnh một số nội dung như sau:

- Đối với những dự án cấp huyện là chủ đầu tư ở phần ghi chú có ghi số tiền dự kiến bồi thường giải phóng mặt bằng từ quỹ phát triển đất tỉnh đề nghị chuyển sang cột ngân sách huyện.

- Điều chỉnh mức bồi thường, giải phóng mặt bằng tại dự án "Di dời đường điện từ Kông Yang đi Đăk Tpanh" tại Điểm 1, Mục I, huyện Kông Chro từ 40.000.000 đồng thành 213.717.000 đồng cho phù hợp với mức bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh.

- Gộp dòng cơ sở thực hiện và dự kiến số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án "Sân vận động thị xã Ayun Pa" và dự án "Mở rộng Quảng trường

19/3” tại Điểm 4, Điểm 5, Mục III, thị xã Ayun Pa và ghi chung số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến từ 12.700.000.000 đồng thành 11.899.000.000 đồng cho phù hợp với mức bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh.

- Điều chỉnh mức bồi thường, giải phóng mặt bằng tại dự án "Đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla" tại Điểm 35, Mục V, huyện Đức Cơ từ 15.000.200.000 đồng thành 7.000.000.000 đồng cho phù hợp với mức bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh.

- Tại Điểm 23, Mục XI Thị xã An Khê, Ban đề nghị bổ sung cụm từ "chi tiết khu dân cư" sau cụm từ "quy hoạch" và viết lại thành "quy hoạch chi tiết khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An (đoạn nối từ đường D1 đến ngã ba đường Lê Lai và Nguyễn Trung Trực).

- Tại Điểm 24, Mục XI Thị xã An Khê, Ban đề nghị điều chỉnh ngày ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh thành ngày 31/10/2017.

- Tại Mục 14 phần XV, huyện Đăk Pơ, dự án đường liên xã Tân An đi Yang Bắc, Phú An (đoạn km3+24-Km6+50) đề nghị điều chỉnh từ 19.855.000.000 đồng thành 19.855.000 đồng cho phù hợp với mức bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND huyện Đăk Pơ.

(3) Đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do đề nghị thu hồi diện tích quá lớn (14,24 ha) đối với dự án "Nhà văn hóa thể dục thể thao" (địa điểm xã Ia Hlóp, huyện Chư Sê) tại Điểm 48, Mục VIII, huyện Chư Sê.

(4) Ban đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định 02 nội dung sau:

- Đối với những dự án, công trình đề nghị thu hồi đất UBND cấp huyện căn cứ vào các văn bản giao nhiệm vụ, tờ trình đề xuất, quyết định phê duyệt đề án, đồ án nông thôn mới hay quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội hoặc trong danh mục kêu gọi đầu tư,... chưa có quyết định phê duyệt dự án, mức bồi thường, giải phóng mặt bằng chỉ là mức do UBND các huyện, thị xã, thành phố dự kiến đề xuất, chưa có mức cụ thể là chưa phù hợp với quy định<sup>9</sup>.

- Đối với 03 dự án của thành phố Pleiku (đường Hoàng Sa nối dài và vùng phụ cận, thành phố Pleiku (đoạn nối từ đường Trường Chinh đến Nguyễn Chí Thanh); khu du lịch sinh thái Hồ Trà Đa và Khu nông nghiệp công nghệ cao) có đề xuất mức bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến lớn (mức bồi thường dự kiến lần lượt là: 762,6 tỷ đồng, 340 tỷ đồng, 419 tỷ đồng). Yêu cầu UBND thành phố Pleiku làm rõ dự toán chi phí bồi thường hỗ trợ dự kiến để đại biểu HĐND

---

<sup>9</sup>Theo quy định tại Điều 9, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai "Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của HĐND cấp tỉnh".

tính nghiên cứu, thảo luận. Trên cơ sở giải trình của UBND thành phố Pleiku, nếu nội dung thuyết minh rõ đề nghị đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thông qua (vì đây là dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, có ảnh hưởng lớn đến dân cư khu vực dự án và có tính chất là động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Nếu không triển khai kịp tiến độ sẽ có khả năng mất vốn).

**\* Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

**3. Về việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phát triển nhà ở giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2649/TTr-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh).**

**\* Cơ sở pháp lý:**

Căn cứ quy định tại Khoản 5, Điều 9, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở thì UBND cấp tỉnh phải xin ý kiến HĐND cùng cấp trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư.

Ngoài ra, các dự án phát triển nhà ở do UBND tỉnh trình nằm trong Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai.

**\* Đối với nội dung dự thảo nghị quyết:**

Đối với tên dự thảo nghị quyết và Điều 1 đề nghị bổ sung cụm từ "*nhất trí để UBND tỉnh có văn bản chấp thuận*" và viết lại thành "*nhất trí để UBND tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phát triển nhà ở giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*".

**4. Về việc ban hành nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2624/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh).**

**\* Cơ sở pháp lý:** Căn cứ Điểm e, điểm g Khoản 4 Điều 3; Khoản 2 Điều 4; Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và Khoản 2, 3 Điều 1 Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13/6/2019 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, việc HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

**\* Đối với nội dung dự thảo nghị quyết:**

- Ban thống nhất mức phân bổ kinh phí như đề nghị của UBND tỉnh.

- Đề nghị bỏ Điều 3: Nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Ban an toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố. Lý do: Đã được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và Thông tư 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT. Ban đề nghị áp dụng trực tiếp nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC và Thông tư 28/2019/TT-BTC.

- Đối với nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông, Ban cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau:

+ Thay cụm từ "*Chi lương, phụ cấp và các khoản khác cho nhân viên hợp đồng lao động hỗ trợ, giúp việc trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định hiện hành*" tại Khoản 2, Điều 4 của dự thảo nghị quyết - Nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông bằng cụm từ "*Chi các khoản thanh toán cho cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép*".

+ Bổ sung cụm từ "*số lượng tổ tự quản an toàn giao thông được hỗ trợ do UBND cấp huyện quyết định*" sau cụm từ "*Chi hỗ trợ ... 1.000.000 đồng/người/tháng*" tại cuối Khoản 3, Điều 4 của dự thảo nghị quyết - Nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

+ Bổ sung cụm từ "*tối đa*" trước số tiền tại các nội dung chi Khoản 5, Điều 4. Nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

+ Tại đoạn cuối của Khoản 5, Điều 4 dự thảo nghị quyết bổ sung cụm từ "*nội dung chi*" sau cụm từ "*căn cứ vào nguồn kinh phí*" và viết lại như sau: "*Căn cứ vào nguồn kinh phí, nội dung chi và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định nội dung chi, mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình*".

\* **Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Chỉnh sửa bố cục nghị quyết từ 6 điều thành 2 điều như sau:

**Điều 1.** Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:...
2. Mức phân bổ kinh phí:...
3. Nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông:...
4. Nguồn kinh phí thực hiện:...

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh, Ban An toàn giao thông cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện.

**5. Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018** (Tờ trình số 2642/TTr-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh).

**\* Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất các số liệu UBND tỉnh đề nghị tại Tờ trình số 2642/TTr-UBND. Tuy nhiên, Ban đề nghị UBND tỉnh giải trình số liệu chênh lệch so với Báo cáo kết luận của kiểm toán nhà nước ngân sách địa phương năm 2018 như sau:

- Tổng thu ngân sách địa phương đề nghị HĐND tỉnh quyết toán: 15.374.626 triệu đồng; số kết luận kiểm toán: 15.231.036 triệu đồng;

- Tổng chi ngân sách địa phương đề nghị HĐND tỉnh quyết toán: 14.187.347 triệu đồng; số kết luận kiểm toán: 13.536.839 triệu đồng;

- Kết dư ngân sách địa phương đề nghị HĐND tỉnh quyết toán: 1.187.279 triệu đồng; số kết luận kiểm toán: 1.694.347 triệu đồng.

\* Đối với kiến nghị của Kiểm toán khu vực XII (tại Báo cáo Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018) đã chỉ ra một số khoản chi của các địa phương, đơn vị chưa phù hợp và báo cáo HĐND tỉnh có ý kiến khi phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp tỉnh, gồm 02 địa phương (huyện Kbang và thị xã An Khê) và 03 đơn vị (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, thể thao và du lịch; Sở Lao động, thương binh và xã hội) với số tiền 12.795,5 triệu đồng (tại Phụ lục số 10/BCKT-NSĐP báo cáo kiểm toán là 16.550,727 triệu đồng). Ban nhận thấy việc Kiểm toán khu vực XII đề nghị báo cáo HĐND tỉnh nhưng không xuất toán các đơn vị này, qua thẩm tra số kinh phí này đã được HĐND tỉnh thông qua trong phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2018. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018.

**6. Về việc đề nghị bổ sung một số dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2495/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh).**

**\* Cơ sở pháp lý:** Việc bổ sung một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Luật Đầu tư công năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

**\* Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất như nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình như sau:

Bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Gia Lai 03 dự án với số vốn là 119 tỷ đồng, cụ thể:

- Dự án Kè chống sạt lở sông Ia Sol đoạn qua thị trấn Phú Thiện (đoạn bờ hữu từ Km0+900 - Km1+835): 40 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 hỗ trợ.

- Dự án Đường liên xã Ia Ga - Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai: 70 tỷ đồng. Trong đó từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 là 40 tỷ đồng; nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 30 tỷ đồng.

- Dự án Đầu tư bố trí ổn định dân di cư tự do huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai: 9 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 hỗ trợ.

*\* Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:* Ban thông nhất.

**7. Về việc xem xét thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 2637/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh).**

*\* Cơ sở pháp lý:*

- Việc xây dựng bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn có liên quan và lần đầu tiên hợp đồng với đơn vị tư vấn là Trung tâm điều tra và quy hoạch đất đai (Hà Nội) để xây dựng bảng giá đất. Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất và hồ sơ xây dựng bảng giá đất trình HĐND tỉnh thông qua được thực hiện đảm bảo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 việc HĐND tỉnh thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền. Nội dung bảng giá các loại đất được xây dựng đảm bảo quy định tại Điều 11 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khung giá đất áp dụng được thực hiện theo Nghị định 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ; phương pháp xác định giá đất được thực hiện theo Điều 3 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

*\* Về nội dung dự thảo nghị quyết:*

Tỷ lệ tăng bình quân giá đất trên địa bàn tỉnh so với bảng giá đất năm 2015 là 32,27%; so với giá đất tính theo hệ số điều chỉnh năm 2019 là 11,25%. Trong đó:

+ Tỷ lệ tăng giá đất ở tại đô thị tăng trung bình cả tỉnh là 34,02% so với bảng giá đất năm 2015; so với giá đất tính theo hệ số điều chỉnh năm 2019 tăng 18,24%. Mức giá cao nhất đối với đô thị loại II (thành phố Pleiku) là 45.000.000 đồng/m<sup>2</sup> tại các tuyến đường Đinh Tiên Hoàng, Hoàng Văn Thụ, Lê Lai, Ngô Gia Tự...; Mức giá cao nhất đối với đô thị loại IV (thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê) là 12.000.000 đồng/m<sup>2</sup> tại tuyến đường Hùng Vương; Mức giá cao nhất đối với đô thị loại V là 12.000.000 đồng/m<sup>2</sup> tại tuyến đường Nguyễn Huệ, thị trấn Đak Đoa. Mức giá thấp nhất đối với đô thị là 50.000 đồng/m<sup>2</sup> tại tuyến đường Chu Văn An, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro.

+ Tỷ lệ tăng giá đất ở tại nông thôn tăng trung bình cả tỉnh là 43,76% so với bảng giá đất năm 2015; so với giá đất tính theo hệ số điều chỉnh năm 2019 tăng 9,98%. Mức giá cao nhất là 3.600.000 đồng/m<sup>2</sup> trên địa bàn thành phố

Pleiku; Mức giá thấp nhất là 15.000 đồng/m<sup>2</sup> tại xã Kong Pne (huyện Kbang), xã Ia Kreng (huyện Chư Păh).

+ Tỷ lệ tăng giá đất nông nghiệp trung bình so với bảng giá đất năm 2015 là 19,62%.

Căn cứ cơ sở pháp lý và nội dung dự thảo nghị quyết, Ban thống nhất thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, Ban đề nghị điều chỉnh nội dung sau: Điều chỉnh giá đất đường Trần Phú, thành phố Pleiku (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng - Lý Thái Tổ) cho phù hợp với các vị trí tương tự ở liền kề.

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**\* Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban thống nhất.

**8. Về việc thông qua chủ trương phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020 và giai đoạn 2021-2025** (Tờ trình số 2627/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh).

Sau khi nghiên cứu Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản có liên quan, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy nội dung do UBND tỉnh trình đề nghị HĐND tỉnh "thông qua chủ trương phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020 và giai đoạn 2021-2025" là không thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**9. Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương** (Tờ trình số 2699/TTr-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh).

**\* Cơ sở pháp lý:** Việc HĐND tỉnh cho điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư công năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

**\* Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương nguồn tiền sử dụng đất tỉnh quản lý như sau:

- Dự án điều chỉnh: Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND, Nghị quyết số 146/NQ-HĐND, Nghị quyết số 157/NQ-HĐND) bố trí vốn cho dự án là 75,673 tỷ đồng.

+ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh bố trí cho dự án là 93,373 tỷ đồng, tăng 17,7 tỷ đồng.

*\* Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

**10. Về việc đề nghị phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020** (Tờ trình số 2703/TTr-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh).

*\* Cơ sở pháp lý:* Việc HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 là phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư công năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

*\* Về nội dung dự thảo nghị quyết:*

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2020 là 3.676,209 tỷ đồng, trong đó:

(1) Các chương trình, dự án đã đủ điều kiện trình HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển là 3.476,646 tỷ đồng (chi tiết tại Tờ trình số 2703/TTr-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh).

(2) Các chương trình, dự án chưa đủ điều kiện để giao vốn với tổng số vốn là 199,563 tỷ đồng, cụ thể:

(2.1) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương năm 2020: 11,5 tỷ đồng. Lý do chưa giao vốn: Hiện nay Bộ Tài chính chưa có quyết định giao vốn chính thức. Khi có quyết định giao vốn của Bộ Tài chính nếu được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp UBND sẽ phân bổ chi tiết.

(2.2) Dự án đường nối từ quốc lộ 19 đến Tỉnh lộ 669 (đi qua các xã Song An, Cửu An, Xuân An, Tú An đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2020 là 50 tỷ đồng. Lý do chưa giao vốn: Dự án đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020. Dự án chỉ được giao kế hoạch sau khi Trung ương bổ sung dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

(2.3) Vốn dự phòng chung ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020: 50,047 tỷ đồng, dự kiến đầu tư cho 03 dự án:

- Dự án tuyến giao thông biên giới cấp bách trên địa bàn huyện Đức Cơ tỉnh Gia Lai dự kiến bố trí vốn năm 2020 là 14 tỷ đồng.

- Dự án đường liên huyện Chư Sê - Chư Puh - Chư Prông, tỉnh Gia Lai dự kiến bố trí vốn năm 2020 là 28 tỷ đồng.

- Dự án sạt lở bờ sông Ba khu vực xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa dự kiến bố trí vốn năm 2020 là 8,047 tỷ đồng.

Lý do chưa giao vốn: Các dự án này mới chỉ được Trung ương thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, đang hoàn thiện các thủ tục để trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư và bổ sung vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020<sup>10</sup>.

<sup>10</sup>Căn cứ văn bản số 1579/TTg-KTTH ngày 27/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về bố trí kế

(2.4) Vốn hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg là 1,742 tỷ đồng. Lý do chưa giao vốn: Ủy ban Dân tộc có Văn bản đề nghị UBND tỉnh rà soát lại nhu cầu vốn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020. UBND tỉnh đã có Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 22/8/2018 về việc báo cáo kết quả rà soát nhu cầu vốn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đến nay Ủy ban Dân tộc chưa có ý kiến về kết quả rà soát tại nội dung Báo cáo số 101/BC-UBND của UBND tỉnh.

(2.5) Vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020 chưa phân bổ 9,414 triệu đồng. Lý do chưa giao vốn: Trung ương bổ sung hỗ trợ cho các huyện nghèo giai đoạn 2016-2020 là 9,414 tỷ đồng. Đề án phải được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung mới phân bổ vốn cho các huyện.

(2.6) Vốn dự phòng 10% chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 76,86 tỷ đồng. Lý do chưa giao vốn: Chưa đảm bảo các điều kiện để được nhận hỗ trợ từ nguồn vốn dự phòng 10% dự kiến phân bổ thực hiện 02 Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019<sup>11</sup>.

Ban thông nhất đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2020 là 3.676,209 tỷ đồng. Đối với các chương trình, dự án chưa đủ điều kiện giao vốn do chưa đủ thủ tục đầu tư theo quy định (với số vốn là 199,563 tỷ đồng của 06 nội dung trên), đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện và chỉ bố trí vốn khi đảm bảo hồ sơ theo quy định.

---

hoạch vốn năm 2020 những dự án sử dụng dự phòng 10% tại địa phương trong đó có nội dung: “Cho phép bố trí kế hoạch năm 2020 những dự án sử dụng nguồn 10% vốn ngân sách nhà nước tại địa phương có quyết định đầu tư, quyết định chuẩn bị đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư sau ngày 31/10/2019”.

<sup>11</sup>Cụ thể: - Thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Điều kiện được hỗ trợ là doanh thu trong 03 năm gần nhất của hợp tác xã đề nghị hỗ trợ, có ít nhất 01 năm đạt tổng doanh thu tối thiểu là 01 tỷ đồng/năm. Hiện nay chưa hết năm 2019, nên các HTX chưa lập báo cáo tài chính của năm 2019, nên chưa đủ cơ sở để xét điều kiện phân bổ.

- Thực hiện Đề án theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg: Tại điểm a Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1385/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ quy định mức phân bổ thực hiện Đề án như sau “Khoảng 40% trong tổng số vốn dự phòng đã giao cho các tỉnh”. Tuy nhiên, xét nhu cầu thực tế của tỉnh để triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg cao hơn 40%. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 2635/SKHĐT-KTN ngày 15/11/2019 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, theo đó cho phép tỉnh Gia Lai phân bổ vượt định mức chung của cả nước để hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg. Ngày 18/11/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 8603/BKHĐT-KTNN, theo đó cho phép UBND tỉnh Gia Lai được sử dụng nguồn vốn dự phòng 10% Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống cho nhân dân huyện Kbang xây dựng nông thôn mới (ngoài các đề án, nhiệm vụ đã thông báo tại văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN).

3. Đối với 13 dự án chuyên tiếp số vốn còn thiếu<sup>12</sup> so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt là 285,597 tỷ đồng. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục kiến nghị với Trung ương bố trí đủ vốn cho các dự án theo số vốn đã được Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 hoặc cho phép địa phương được ứng vốn ngân sách địa phương bố trí cho các công trình để đẩy nhanh tiến độ và đưa công trình vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020.

\* *Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

**11. Về việc đề nghị ban hành nghị quyết bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 103/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2711/TTr-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh).**

Sau khi nghiên cứu Tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản có liên quan như Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; văn bản số 466/VĐCXDPL-XDPL ngày 12/9/2019 của Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thuộc Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; văn bản số 4218/BTP-VĐCXDPL ngày 28/11/2016 của Bộ Tư pháp về việc trả lời một số quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và các văn bản có liên quan,... Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

(1) Về thẩm quyền: HĐND tỉnh ban hành nghị quyết bổ sung một số điều tại nghị quyết của HĐND tỉnh là đúng thẩm quyền.

(2) Ban nhận thấy nội dung UBND tỉnh trình:

- Về tên gọi của từng chính sách đặc thù trình HĐND tỉnh chưa rõ ràng, trùng lặp với chính sách Trung ương đã ban hành dẫn đến khó phân biệt chính sách nào là chính sách đặc thù.

- Việc bổ sung thủ tục hành chính vào nghị quyết của HĐND tỉnh:

+ Theo quy định tại Khoản 4, Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: Những hành vi bị nghiêm cấm "*Quy định thủ tục hành chính trong .... nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ..., trừ trường hợp*

<sup>12</sup> Đường liên xã huyện Krông Pa; Đường nội thị TP Pleiku; Đường nối Quốc lộ 25 đến tỉnh lộ 666 (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Chư A Thai đến tỉnh lộ 666); Đường nội thị, thị xã An Khê; Đường nội thị, thị xã Ayun Pa; Đường tỉnh lộ 666; Đường liên xã, huyện Chư Puh; Đường liên xã Ia Băng - Ia Vê huyện Chư Prông; Hệ thống nước sinh hoạt huyện Ia Pa (dẫn nước từ hồ chứa Ayun Hạ); Thủy lợi hồ chứa nước Ia Rtdô; Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh; Đường vào Đôn Biên phòng 719.

được giao trong luật". Tuy nhiên, Luật Hợp tác xã năm 2012 không giao thẩm quyền này cho HĐND tỉnh.

+ Tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tư pháp<sup>13</sup> không rõ ràng, không khẳng định HĐND tỉnh phải ban hành thủ tục hành chính.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

- Đối với các chính sách đặc thù: Đề nghị nghiên cứu xây dựng những chính sách không để trùng lặp chính sách của Trung ương đã quy định, phải là các chính sách có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đối với nội dung đề nghị HĐND tỉnh ban hành thủ tục hành chính trong nghị quyết: Đề nghị phải có ý kiến cụ thể của Bộ Tư pháp về vấn đề này (kể cả thủ tục hành chính đối với các chính sách đã quy định tại Nghị quyết 103/2019/NQ-HĐND).

Việc nghị quyết được ban hành sớm sẽ khuyến khích, tạo điều kiện để các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển. Do vậy, Ban đề nghị UBND tỉnh khẩn trương thực hiện các nội dung nêu trên, nếu hoàn thành trước kỳ họp Ban sẽ tiếp tục thẩm tra để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười một xem xét, quyết định. /

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười một HĐND tỉnh khóa XI;
- Lưu: VT-KTNS(Tr.).

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>13</sup> Văn bản số 466/VĐCXDPL-XDPL ngày 12/9/2019 của Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thuộc Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; văn bản số 4218/BTP-VĐCXDPL ngày 28/11/2016 của Bộ Tư pháp về việc trả lời một số quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP